

## 第五课

Nǐ yào chī shénme ?

你要吃什么？



 **LIVWORKSHEETS**

# Viết số lượng cho những đồ ăn sau



# Viết số lượng cho những đồ uống sau





牛肉

青菜

水

面包

面条

米饭

茶

咖啡





# 菜单

|       |     |
|-------|-----|
| 米饭    | 2 元 |
| 红烧牛肉  | 23元 |
| 饺子    | 20元 |
| 青菜    | 10元 |
| 猪肉面条儿 | 15元 |
| 包子    | 8元  |
| 糖醋鱼   | 35元 |
| 鸡蛋汤   | 12元 |
| 蛋炒饭   | 18元 |



我要。。。



一共：.....元



03

## Trắc nghiệm

吃的

喝的